ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24 /2019/QĐ-UBND	*Ninh Bình, ngày 26 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung giá đất vào Bảng giá đất điều chỉnh Bảng giá các loại đất giai đoạn 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 102/TTr-STNMT ngày 18/3/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung giá đất vào Bảng giá đất điều chỉnh Bảng giá các loại đất giai đoạn 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 05/09/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Ninh Bình như sau:

1. Thành phố Ninh Bình:

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất (đồng/m²)		
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD
1	**Phường Nam Bình**					
1.1	Khu dân cư đường 2 Phú Xuân					
-	Ngõ 56 đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nam Bình	5.500.000	3.300.000	2.750.000
-	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đường 2 Phú Xuân			3.500.000	2.100.000	1.750.000

2.2	Khu dân cư Bắc Phong 1					
-	Ngõ 2, đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường quy hoạch 17m	5.500.000	3.300.000	2.750.000
-	Các lô đất còn lại trong khu dân cư Bắc Phong 1			4.500.000	2.700.000	2.250.000
2	**Phường Ninh Sơn**					
	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Tây Vành Đai (Trần Nhân Tông)			4.300.000	2.580.000	2.150.000
3	**Phường Ninh Phong**					
	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Phong Đoài II			5.500.000	3.300.000	2.750.000
4	**Xã Ninh Phúc**					
	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Tây Vành Đai (Trần Nhân Tông)			4.300.000	2.580.000	2.150.000
5	**Phường Phúc Thành**					
	Đường Tân Hưng	Đường Lương Văn Tụy	Đường Nam Thành	5.000.000	3.000.000	2.500.000
6	**Phường Tân Thành**					
-	Ngõ 279 đường Xuân Thành	Đường Xuân Thành	Đường Lương Văn Tụy	4.000.000	2.400.000	2.000.000
-	Ngõ 50 đường Đinh Tất Miễn	Đường Đinh Tất Miễn	Ngõ 16 đường Thành Công	2.500.000	1.500.000	1.250.000
7	**Phường Ninh Khánh**					
	Đường Phạm Hùng (khu đô thị Ninh Khánh)	Đường Lưu Cơ	Đường Vạn Hạnh	10.000.000	6.000.000	5.000.000

2. Huyện Hoa Lư:

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất (đồng/m²)		
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD
1	**Xã Ninh Mỹ**					
-	Trục đường chính khu Đồng Si 24m			5.500.000	3.300.000	2.750.000

-	Trục đường còn lại khu Đồng Si 2,3, đường 15m		3.500.000	2.100.000	1.750.000
-	Các trục đường khu dân cư đấu giá Thổ Trì (giai đoạn 3)		5.000.000	3.000.000	2.500.000
2	**Xã Ninh Vân**				
-	Khu dân cư Cống Tu - Vũ Xá		1.500.000	900.000	750.000
-	Khu dân cư Đồng Bề - Phú Lăng		3.000.000	1.800.000	1.500.000
3	**Xã Ninh Hải**				
-	Mặt đường trục xã khu dân cư Khê Trong - Khê Ngoài		2.500.000	1.500.000	1.250.000
-	Các đường còn lại trong khu dân cư Khê Trong - Khê Ngoài		2.000.000	1.200.000	1.000.000
4	**Xã Ninh Khang**				
-	Khu dân cư Trung Lang - Trũng Trong		1.500.000	900.000	750.000
-	Khu dân cư Đồng Hộ		3.000.000	1.800.000	1.500.000

3. Huyện Gia Viễn:

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất (đồng/m²)		
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD
1	**Xã Gia Phương**					
	Đường vào kênh N9	Đầu đường ĐT477	Giáp đường ĐT 477B cũ	700.000	420.000	350.000
2	**Xã Gia Lạc**					
-	Đường Đồng Nang	Ngã tư đi Gia Minh	Giáp đất Gia Phong, Gia Minh	400.000	240.000	200.000
-	Khu dân cư Đồng Kênh			250.000	150.000	125.000
3	**Xã Gia Tiến**					
-	Đường Bát Giáp	Đoạn giao nhau với đường Tâm Linh	Trạm y tế xã	1.200.000	720.000	600.000
-	Đường Tâm Linh	Nhà văn hóa thôn Xuân Lai	Đường Bát Giáp	1.200.000	720.000	600.000

-	Khu dân cư Óc Hạ			1.000.000	600.000	500.000
4	**Xã Gia Sinh**					
-	Khu dân cư vườn cây xóm 5			500.000	300.000	250.000
-	Khu dân cư	Nhà văn hóa xóm 7	Xóm 8	500.000	300.000	250.000

4. Huyện Yên Khánh:

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất (đồng/m²)		
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD
1	**Xã Khánh Hòa**					
-	Khu vực Hòn đá (Khu dân cư đấu giá sau trại giống)			1.500.000	900.000	750.000
-	Khu Tái định cư A, B xóm Chợ Dầu, xóm Đông			3.500.000	2.100.000	1.750.000
2	**Xã Khánh An**					
	Dãy 2 đường QL10			1.200.000	720.000	600.000
3	**Xã Khánh Cư**					
-	Khu dân cư mới xóm Trại (đối diện khu CN Khánh Cư)			1.000.000	600.000	500.000
-	Khu dân cư mới xóm Thông (Dãy 2 đường QL 10)			1.200.000	720.000	600.000
4	**Xã Khánh Vân**					
	Khu dân cư sau cây xăng Anh Nghĩa			1.800.000	1.080.000	900.000
5	**Xã Khánh Hải**					
	Khu dân cư mới xóm Trung B - Nhuận Hải			1.000.000	600.000	500.000
6	**Thị trấn Yên Ninh**					
	Đường đê sông mới	Cầu Thượng	Đê Vạc (Bắc sông mới)	2.000.000	1.200.000	1.000.000
		Cầu Thượng	Giáp xã Khánh Hội (Nam sông Mới)	2.500.000	1.500.000	1.250.000
	Khu dân cư Tây Bắc đường Cầu Kênh			3.000.000	1.800.000	1.500.000

7	**Xã Khánh Hồng**			
	Khu dân cư xóm 9	1.000.000	600.000	500.000
8	**Xã Khánh Nhạc**			
	Khu dân cư mới xóm 10A (Dãy 2 đường QL10)	2.500.000	1.500.000	1.250.000
	Khu dân cư mới xóm 1B (sau hiệu in Thanh Tấn)	2.500.000	1.500.000	1.250.000
	Khu dân cư mới 3C (sau trường C2)	2.000.000	1.200.000	1.000.000
9	**Xã Khánh Hội**			
	Khu dân cư mới (đoạn từ xóm Chạ đi Khánh Thủy)	1.000.000	600.000	500.000
10	**Xã Khánh Mậu**			
	Khu dân cư mới sau UBND xã	800.000	480.000	400.000
11	**Xã Khánh Thủy**			
	Khu dân cư mới sau UBND xã	600.000	360.000	300.000
12	**Xã Khánh Cường**			
	Khu dân cư mới giáp đường đi đò Tam Tòa	1.000.000	600.000	500.000
13	**Xã Khánh Lợi**			
	Khu dân cư mới dãy 2 đường Thanh Niên	1.000.000	600.000	500.000

5. Huyện Yên Mô:

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất (đồng/m²)		
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD
1	**Xã Yên Thái**					
		Nhà văn hóa xóm Dầu	HTX NN Quảng Công	500.000	300.000	250.000
2	**Xã Yên Nhân**					
-		Nhà ông Định	Nhà ông Huỳnh, xóm Quyết Trung	350.000	210.000	175.000
3	**Thị trấn Yên Thịnh**					

	Khu Hưng Thượng (dãy 2)			2.000.000	1.200.000	1.000.000
4	**Xã Yên Từ**					
-	Khu dân cư Tây Kỳ Đồng Nuốn			1.200.000	720.000	600.000
-	Các lô đất nằm phía sau dãy 1	Đường 12B kéo dài	Cầu Nuốn	700.000	420.000	350.000
5	**Xã Yên Thắng**					
	Tuyến đường Mả Nhiêu			300.000	180.000	150.000
6	**Xã Mai Sơn**					
	Khu Đìa Ngoài (dãy 2)			1.500.000	900.000	750.000
7	**Xã Khánh Thượng**					
	Đường xã	Đình Trung	Núi Sậu	500.000	300.000	250.000
		Núi Sậu	Mai Sơn	500.000	300.000	250.000
		Núi Sậu	Bà Cảnh	500.000	300.000	250.000
		Xóm 5 Tịch Chân	Mai Sơn	500.000	300.000	250.000
8	**Xã Yên Mỹ**					
-		Cống quay 5A	Cống Mắt Rồng	300.000	180.000	150.000
-		Cửa nhà ông Mùi	Ngã tư Đồng Sáu	300.000	180.000	150.000
-		Cửa nhà ông Miên	Gốc gạo xóm 10	300.000	180.000	150.000

6. Huyện Kim Sơn:

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất (đồng/m²)		
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD
1	**Xã Xuân Thiện**					
	Đường Nam Sông Ân	Giáp địa phận Xuân Thuận	Giáp xã Khánh Thành, Yên Khánh	400.000	240.000	200.000
2	**Xã Chất Bình**					

-	Đường Nam Sông Ân	Xã Hồi Ninh giáp Chất Bình	Giáp xã Chính Tâm	1.300.000	780.000	650.000
-	Đường trục liên xóm 6, xóm 7, xóm 8	Đường Ngang liên xã	Trạm điện Cộng Thành	300.000	180.000	150.000
-	Đường trục liên xóm7, xóm 8	Đường Ngang liên xã	Cầu ông Áng	300.000	180.000	150.000
-	Đường trục xóm 5	Đường Ngang liên xã	Phía đông Đình Chất Thành	300.000	180.000	150.000
-		Đường Ngang liên xã	Phía tây Đình Chất Thành	300.000	180.000	150.000
-	Đường trục xóm 4	Giáp xã Khánh Thủy, huyện Yên Khánh	Đường Ngang liên xã	300.000	180.000	150.000
-	Đường trục xóm 6	Giáp xã Khánh Thủy, huyện Yên Khánh	Đường Ngang liên xã	300.000	180.000	150.000
-	Đường liên xóm 1, xóm 2, xóm 3	Cầu đầu làng Quân Triêm	Hết đường	300.000	180.000	150.000
-	Đường Quân Triêm	Đường ngang liên xã	Giáp xã Khánh Thủy, huyện Yên Khánh	300.000	180.000	150.000
-	Đường ngang trạm điện Cộng Thành	Trạm điện Cộng Thành	Đường trục Cộng Thành	300.000	180.000	150.000
3	**Xã Hùng Tiến**					
-	Đường Chí Tĩnh	Giáp đường QL10+500 m lên phía Bắc (hết nhà ông Hà)	Hết dân cư	500.000	300.000	250.000

-	Đường Đông Quy Hậu	Giáp đường QL10+500 m lên phía Bắc (hết nhà ông Hợp)	Hết dân cư	600.000	360.000	300.000
-	Đường Tây Quy Hậu	Giáp đường QL10+500 m lên phía Bắc (hết nhà bà Cao)	Hết dân cư	500.000	300.000	250.000
-	Giáp đường Nam sông Ân đến đường ngang 50			300.000	180.000	150.000
4	**Xã Kim Chính**					
	Đường Thủ Trung (khu đất đấu giá năm 2017)	Đất ông Vũ	Hết đất ông Biên	300.000	180.000	150.000
5	**Xã Kim Mỹ**					
-		Hết cầu Kim Mỹ	Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 500m (hết nhà ông Tuấn)	1.000.000	600.000	500.000
-		Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 500m (hết nhà ông Tuấn)	Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 300m (hết nhà ông Hòa)	1.200.000	720.000	600.000
-		Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 300m (hết nhà ông Hòa)	Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 100m (hết nhà ông Kỳ)	2.000.000	1.200.000	1.000.000
-		Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 100m (hết nhà ông Kỳ)	Giáp ngã 3 chợ Cồn Thoi	3.000.000	1.800.000	1.500.000

-		Giáp ngã 3 chợ Cồn Thoi	Ngã 3 chợ Cồn Thoi+100 m (hết nhà ông Tuấn)	2.000.000	1.200.000	1.000.000
-		Ngã 3 chợ Cồn Thoi+100m (hết nhà ông Tuấn)	Giáp địa phận Bình Minh	1.700.000	1.020.000	850.000

7. Huyện Nho Quan:

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất (đồng/m²)		
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD
-	Đường tránh thị trấn Nho Quan (đi qua địa bàn các xã Văn Phong, xã Đồng Phong)			1.100.000	660.000	550.000

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/8/2019.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các ngành khác có liên quan hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy NB;
- Thường trực HĐND tỉnh NB;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh NB;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh NB;
- Website Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh NB;
- Công báo tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VT, VP5, 3;

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Quang Ngọc